

Bản án số: 133/2025/DS-ST
Ngày: 29-8-2025
V/v tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ
tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đàm Thị Hồng Nhung

2. Bà Nguyễn Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 tham gia phiên tòa: Bà Trần Lê Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 3348/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-DS ngày 07/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2025/QĐST-DS ngày 07/8/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; Mã số doanh nghiệp: 0301103908; địa chỉ: Số B N, Phường X, Thành phố Hồ Chí Minh (Trước đây là Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lã Ngọc M, sinh năm 1970; Căn cước công dân số 037070008489 cấp ngày 20/12/2021; địa chỉ liên hệ: B N, Phường X, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 6086/2024/UQ-TGD ngày 27/8/2024 lập tại Ngân hàng) – Vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1983; Chứng minh nhân dân số: 023597017 cấp ngày 15/01/1999 (Số định danh: 079083629823); Địa chỉ liên hệ:

C N, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh (Trước đây là phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Tại Đơn khởi kiện đề ngày 08/10/2024 và bản khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S trình bày:***

Ngày 05/11/2012, ông Nguyễn Ngọc T và Ngân hàng TMCP S ký kết Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của nguyên đơn - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Nguyễn Ngọc T, nguyên đơn đã đồng ý cấp Thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 11.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng (Số tài khoản thẻ: 3363552443), ông Nguyễn Ngọc T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 56.800.879 đồng.

Trong quá trình sử dụng Thẻ tín dụng, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Nguyễn Ngọc T đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 73.360.000 (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của nguyên đơn), qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Nguyễn Ngọc T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Nguyễn Ngọc T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 11/12/2021, nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng Thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Nguyên đơn đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 12.951.711 đồng sang nợ quá hạn (gọi là nợ gốc) và tính lãi quá hạn hàng tháng trên dư nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại, lãi suất trong hạn là 2,6%/tháng X 150%= 3,9%/tháng lãi quá hạn).

Mặc dù nguyên đơn đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông Nguyễn Ngọc T, yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời nguyên đơn cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông Nguyễn Ngọc T trả nợ, tuy nhiên ông Nguyễn Ngọc T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho nguyên đơn, vì phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký nên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bị đơn ông Nguyễn Ngọc T phải trả ngay một lần cho nguyên đơn tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/8/2025 là 35.816.357 đồng, trong đó: Nợ gốc là 12.951.711 đồng; lãi quá hạn là 22.864.646 đồng.

- Ông Nguyễn Ngọc T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 30/8/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

*** Bị đơn – ông Nguyễn Ngọc T:** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo cho Tòa án.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1** phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét và thẩm tra tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện ông Nguyễn Ngọc T tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng. Căn cứ xác minh của Công an phường Đ, Quận A (Nay là Phường S, Thành phố Hồ Chí Minh) thì bị đơn cư trú tại địa chỉ C N, phường Đ, Quận A (Nay là phường S, Thành phố Hồ Chí Minh); Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bị đơn là ông Nguyễn Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Ông Lã Ngọc M đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về pháp luật nội dung:

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Ngọc T thanh toán số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29/8/2025, cụ thể: Nợ gốc: 12.951.711 đồng; nợ lãi quá hạn tính từ ngày 11/12/2021 đến ngày 29/8/2025 là 22.864.646 đồng; Hội đồng xét xử xét thấy:

[4] Ông Nguyễn Ngọc T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bằng văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp đã được công bố tại phiên tòa gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ tín dụng S1 quy định về mức lãi suất đối với thẻ tín dụng quốc tế; tóm tắt sao kê từ ngày 10/11/2012 đến ngày 29/8/2025; điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng đề Hội đồng xét xử xem xét.

[5] Từ các chứng cứ nêu trên, có cơ sở xác định ngày 05/11/2012, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã cấp thẻ tín dụng cho ông T thẻ tín dụng loại Visa Classic với hạn mức sử dụng chung là 11.000.000 đồng. Mục đích tiêu xài cá nhân, theo đó ông T được cấp thẻ tín dụng loại Thẻ tín dụng nội địa Family, số thẻ 3363552443, hạn mức là 11.000.000 đồng. Quá trình sử dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch tạm tính đến ngày 29/8/2025 với số tiền, cụ thể: Tiền thực hiện giao dịch: 56.800.879 đồng; phí trễ hạn: 2.720.000 đồng; phí vượt hạn mức: 1.850.000 đồng; phí: 3.351.000 đồng; lãi trong hạn: 38.157.440 đồng; đã trả được 73.360.000 đồng. Thứ tự thanh toán được quy định tại Điều 21 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng theo lần lượt: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước, giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước, giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước, các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ, giao dịch rút tiền mặt trong kỳ, giao dịch mua hàng hóa trong kỳ; số nợ gốc còn nợ tính đến ngày chuyển nợ quá hạn 11/12/2021 là 12.951.711 đồng

[6] Do bị đơn vị phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng; ngày 11/12/2021, nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng Thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, yêu cầu ông T phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng; việc chuyển nợ quá hạn đối với khoản tín dụng quá hạn là phù hợp với mục 4 Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng là phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; lãi, lãi suất chậm trả tại thời

điểm xét xử sơ thẩm được xác định theo quy định tại khoản 1, 3 và 4 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[7] Từ những nhận định trên, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc và tiền lãi theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 05/11/2012 là phù hợp với thỏa thuận của các bên trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 18, 20, 21 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng nên có căn cứ để được chấp nhận.

[8] Số tiền gốc và lãi bị đơn phải trả đối với Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 05/11/2012 tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29/8/2025 là 35.816.357 đồng, trong đó: Nợ gốc là 12.951.711 đồng; Lãi quá hạn là 22.864.646 đồng. Ông Nguyễn Ngọc T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 30/8/2025 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn 35.816.357 đồng, án phí dân sự sơ thẩm là 1.790.818 đồng.

[11] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ gốc là 12.951.711 đồng và lãi quá hạn từ ngày 11/12/2021 đến ngày 29/8/2025 là 22.864.646 đồng. Tổng cộng là 35.816.357 đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 30/8/2025 cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Ngọc T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng ngày 05/11/2012. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc T chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.790.818 đồng.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 737.983 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0046442 ngày 13/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh)

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Ngân hàng TMCP S, ông Nguyễn Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ việc.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Nguyễn Thị Phụng

